

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày 27-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh;
2. Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 12/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn L, sinh năm 1995; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Trần H, sinh năm 1973 và con bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/10/2020 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn K, sinh năm 2001; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Trần H, sinh năm 1973 và con bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam

ngày 07/10/2020 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Hẻm 77, đường 19/5, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968; có vợ là Cao Thị T1, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1960, có mặt
 - Ông Trần Văn K, sinh năm 1966, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt
 Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk
 - Ông Trịnh Vinh H, sinh năm 1965, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định
 - Bà Nguyễn Thái Huyền M, sinh năm 1995, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh L

- Ông H, sinh năm 2002, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh L

- Ông Hồ Bá D, sinh năm 1993, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 49, khu vực 9A, phường Đ, TP. Q

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1990, vắng mặt
 Địa chỉ: Tổ 16, khu phố D, phường Tr, TP. Biên Hòa
 - Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1980, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Kiốt 34, chợ K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Phạm Uyên N, sinh năm 1988, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Kiốt 34, chợ K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Đoàn Đức M, sinh năm 1987, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Buôn Th, xã Ea, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1984, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

- Ông Trần Nguyên T3, sinh năm 1981, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: 96 Nguyễn Thái H, thành phố Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung các vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 12/9/2020, Trần Văn L, Trần Văn K chơi game online tại quán Internet 2T trên đường Ama Jhao, phường Tân Lập, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì hết tiền. Sau đó, L nảy sinh ý định đi cướp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nên đã bàn bạc với K cùng đi cướp xe mô tô của người lái xe ôm, K đồng ý. Khoảng 09 giờ sáng ngày 13/9/2020, L, K đi ra chợ A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, L mua 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm cất vào túi áo khoác. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, L, K đi đến khu vực ngã tư đường Nguyễn Chí H và Lê Quý Đ thuộc phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. L, K thuê ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1960 và ông Trần Văn K sinh năm 1966, cùng trú tại: tổ dân phố 1, phường O, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm nghề lái xe ôm chở về xã U, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk. L ngồi lên xe của ông P nhãn hiệu Honda Blade, biển số 47B1 – 860.57, màu sơn cam đen để dẫn đường, còn K ngồi lên xe của ông K nhãn hiệu Honda Wave, biển số 47B1 – 886.11 đi về hướng huyện CưM'gar. L dẫn ông P, ông K đi vào đoạn đường đất trong lô cao su thuộc buôn I, xã U, huyện CưM'gar. Thấy đoạn đường phía trước khó đi nên ông P, ông K dừng xe lại. Lúc này, L dùng tay phải lấy con dao Thái Lan trong túi áo khoác kề dao vào ngực của ông P, buộc ông P đưa 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S A1601, số tiền 4.885.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng), yêu cầu ông P quay xe đầu mô tô biển số 47B1- 860.57 hướng ra đường liên xã. K dùng tay đánh vào lưng ông K, ông K bỏ chạy, K đuổi theo giật mũ bảo hiểm của ông K rồi dùng mũ bảo hiểm đánh liên tiếp vào lưng ông K, buộc ông K phải đưa 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, số tiền 6.000 đồng (Sáu ngàn đồng). Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển số 47B1 - 860.57, K điều khiển xe mô tô biển số 47B1- 886.11 đi xuống thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi tiêu thụ tài sản. Tại đây, L, K bán 02 chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Thanh Th, sinh năm: 1990, trú tại: tổ 16, khu phố 5, phường Tr, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai với giá 8.700.000 đồng (Tám triệu bảy trăm ngàn đồng). Bán xe xong, L, K về lại tỉnh Đắk Lắk bán chiếc điện thoại di động OPPO F1S A1601 với giá 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) cho cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Vũ B sinh năm: 1980, trú tại: Kiốt 34, chợ K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, bán chiếc điện thoại Nokia 106 tại cửa hàng của anh Đoàn Đức M sinh năm: 1987, trú tại: Buôn Th, xã Ea, huyện M, tỉnh Đắk Lắk với giá 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được L, K cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra vụ án trên thì bị cáo L và bị cáo T còn khai nhận. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2020, bị cáo Trần Văn L cùng em ruột là Trần Văn K đã thực hiện các vụ Cướp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Trộm cắp tài sản ở các tỉnh khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 30/8/2020, Trần Văn L và em ruột là Trần Văn K đến tiệm Internet TINA, thuộc ấp Xoài Đồi, xã L, huyện C, tỉnh L chơi game. Khoảng 07 giờ ngày 31/8/2020, L, K đi ra khu vực phía trước tiệm, nhìn thấy xe mô tô biển số 62M1 – 687.67, hiệu Honda Wave của chị Nguyễn Thái Huyền M, sinh năm: 1995, trú tại: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh L, là chủ tiệm Internet TINA, không người trông coi, có chìa khóa nguồn của xe mô tô cũng để gần chỗ ngủ của anh H sinh năm 2002, trú tại: Khu phố H, thị trấn C, huyện C,

tỉnh L, là nhân viên của tiệm nên L, K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L lấy chìa khóa nguồn gắn vào xe mô tô rồi quay đầu xe ra Tỉnh lộ 826. Lúc này, chị Cao Thị Mỹ H sinh năm 1999, trú tại: 22/4 ấp 5, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh là người quen với chị M, đã chơi game ở tiệm nhờ chở đến chỗ làm cách đó khoảng 200m thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển số 62M1 – 687.67 chở Hằng và K đến nơi làm của Hằng rồi L, K quay lại tiệm Internet TINA. L nói K đứng bên ngoài chờ để L đi vào lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16G (bên trong có gắn 01 sim số 0931546071) của anh H để ngay chỗ ngủ. Sau đó, L, K đi xe mô tô 62M1 – 687.67 về tỉnh Đắk Lắk. Khi đến thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, L, K bán điện thoại trộm cắp của anh H cho tiệm điện thoại (không rõ địa chỉ) được số tiền 700.000 đồng. Sau đó, L, K đi đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bán xe mô tô biển số 62M1 – 687.67 cho một người tên Lâm (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 5.000.000 đồng. L, K cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào ngày 04/9/2020, Trần Văn K, Trần Văn L đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi và hết tiền tiêu xài. K nảy sinh ý định đi đến Công ty trách nhiệm hữu hạn V.Q.N tại khu vực 7, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nơi K làm công nhân trước đây) để mượn xe mô tô của người khác rồi bán lấy tiền tiêu xài. K rủ L tham gia thì L đồng ý. Tối ngày 04/9/2020, K, L đón xe khách từ thành phố B đến thành phố Q. Khoảng 07 giờ sáng ngày 05/9/2020, K, L đến gần Công ty V.Q.N, K nói L ngồi đợi ở quán nước. K một mình đi vào Công ty gặp ông Trịnh Vinh H sinh năm: 1965, trú tại: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là nhân viên của công ty V.Q.N. Do quen biết từ trước nên K nói dối với ông H cho mượn xe chạy ra mua đá lạnh cho công nhân uống. Ông H đưa xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 77G1 – 200.04, màu: vàng – đen cho K. Sau khi mượn được xe, K điều khiển xe đến chỗ L chạy về tỉnh Đắk Lắk. Đến trưa ngày 06/9/2020, K, L bán xe mô tô 77G1 – 200.04 cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) tại Km 38 thuộc huyện K, tỉnh Đắk Lắk được số tiền 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm ngàn đồng), cả hai cùng nhau tiêu xài hết số tiền này.

Quá trình điều tra xác định: Trương Hữu H, sinh năm: 1985, trú tại: Ấp S, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai (Hiện chưa làm việc được với Trương Hữu H để xác định nguồn gốc xe 77G1 – 200.04 mua từ ai) bán lại chiếc xe mô tô 77G1 – 200.04 cho Lê Văn T2 sinh năm: 1984, trú tại: xã B, huyện T, tỉnh Bình Định với số tiền 16.200.000 đồng. Sau đó, T2 bán lại xe cho Trần Nguyên T3 sinh năm: 1981 – chủ cửa hàng xe máy Toàn Thắng, địa chỉ: 96 Nguyễn Thái H, thành phố Q, tỉnh Bình Định với số tiền 19.500.000 đồng. Ngày 20/9/2020, bà Lưu Thị Tường H sinh năm: 1966, là vợ ông H đến cửa hàng mua, bán xe máy cũ Toàn Thắng tìm mua xe thì phát hiện chiếc xe mô tô 77G1 – 200.04 đang ở tại đây nên đã trình báo Công an phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định đến tạm giữ phương tiện.

Vụ thứ ba: Vào ngày 24/9/2020, Trần Văn K đang ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hết tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Hồ Bá D sinh năm 1993, trú tại tổ 49, khu vực 9A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là công nhân tại công trình xây dựng Trường lái xe ở thôn Quang Hy, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định mà K quen khi cùng làm công nhân trước đó. K rủ Trần Văn L cùng thực hiện thì L đồng ý. Sau đó, K, L đón xe ô tô khách đi đến huyện T,

tỉnh Bình Định. Khoảng 09 giờ ngày 25/9/2020, L ngồi ở quán cà phê gần công trình xây dựng Trường lái xe để đợi, còn K đi bộ vào trong công trình để gặp anh D. Tại đây, K nói dối là mượn xe mô tô biển số 77L1 – 606.02, loại SIRIUS, màu sơn: Đen – Vàng (xe do ông Hồ Văn Sai, sinh năm 1969 là cha ruột của Hồ Bá D đứng tên chủ xe) để đi mua nước uống, anh D đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô biển số 77L1 – 606.02, K điều khiển xe chở L về lại tỉnh Đắk Lắk rồi đăng lên mạng xã hội tìm nơi tiêu thụ xe. Sau đó, Nguyễn Văn T sinh năm: 1989, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk liên lạc với L để hẹn gặp xem xe, thỏa thuận giá mua. Đến sáng ngày 27/9/2020, T đến quán cà phê gần cây số 5 thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gặp L, K. Qua trao đổi, T biết được chiếc xe mô tô 77L1 – 606.02 do L, K phạm tội mà có nhưng vẫn thỏa thuận thống nhất mua xe mô tô biển số 77L1 – 606.02 với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). T mang xe mô tô về tháo biển số 77L1 – 606.02, rồi gắn biển số 47P2 – 6017 vào xe mô tô trên để sử dụng. Số tiền bán được xe, K, L cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Trần Văn L, Trần Văn K còn khai nhận đã thực hiện vụ Cướp tài sản vào ngày 17/8/2020 tại huyện V, tỉnh Khánh Hòa và vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 25/8/2020 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CũM’gar, tỉnh Đắk Lắk đã có công văn về việc trao đổi thông tin tội phạm đối với hai vụ việc trên. Hiện nay Công an huyện V, tỉnh Khánh Hòa và Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk đang tiến hành điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65 ngày 30/11/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh L kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 62M1 – 687.67, trị giá: 14.365.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16G trị giá 3.200.000 đồng; 01 sim điện thoại số thuê bao 0931546071 trị giá phục hồi là 30.000 đồng. Tổng trị giá tài sản thiệt hại là 17.595.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, tỉnh Bình Định kết luận: 01 xe mô tô biển số: 77G1 – 200.04 nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng – đen, trị giá: 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 93 ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CũM’gar, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, trị giá 150.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S A1601, trị giá 1.200.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn: cam – đen, trị giá 12.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: trắng – đen – bạc, trị giá 10.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 193 ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Bình Định kết luận: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển số 77L1 – 606.02, màu sơn: Đen – Vàng, trị giá 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CũM’gar, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ vật chứng, gồm:

Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thành phố Q, tỉnh Bình Định gồm: 01 xe mô tô biển số: 77G1 – 200.04 nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô. Ngày 21/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên, giấy đăng ký xe mô tô cho ông Trịnh Vinh H là chủ sở hữu.

Vụ án Cướp tài sản tại huyện CừM'gar, tỉnh Đắk Lắk gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, bàn phím màu đen, số IMEI: 3528821054119878; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn: cam – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô 47B1 – 860.57; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: trắng – đen – bạc, 01 giấy đăng ký xe 47B1 – 886.11. Ngày 23/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CừM'gar đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, 01 giấy đăng ký xe 47B1 – 886.11 cho ông Trần Văn K; Trả lại 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, 01 giấy đăng ký xe mô tô 47B1 – 860.57 cho ông Nguyễn Minh P là các chủ sở hữu.

Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện T, tỉnh Bình Định gồm: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển số 77L1 – 606.02, màu sơn: Đen – Vàng. Ngày 19/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho anh Hồ Bá D là chủ sở hữu.

01 biển số 47P2 – 6017, quá trình điều tra xác định: biển số xe này là của xe mô tô nhãn hiệu DAEMACO, số loại XII, màu sơn Đen – Đỏ, của anh Ngân Văn H sinh năm: 1990, trú tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, anh H đã đi khỏi địa phương, không liên lạc và làm việc được, quá trình sinh sống tại địa phương anh Hải không có báo mất, hay tranh chấp về biển số xe này. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CừM'gar tách biển số xe này ra để tiếp tục xác minh làm rõ.

Vụ án Trộm cắp tài sản tại huyện C, tỉnh L: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 14/4/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cừ M'gar truy tố các bị cáo **Trần Văn L, Trần Văn K**, về các tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T**, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Cướp tài sản.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn K mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo K mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 03 tội, mức hình phạt đề nghị chung đối với bị cáo Trần Văn L là từ 10 năm 09 tháng đến 12 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 03 tội, mức hình phạt đề nghị chung đối với bị cáo Trần Văn K là từ 10 năm 03 tháng đến 11 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các 288, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải liên đới bồi thường số tiền 6.085.000 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Minh P.

Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải liên đới bồi thường số tiền 14.365.000 đồng cho chị Nguyễn Thái Huyền M.

Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải liên đới bồi thường số tiền 3.230.000 đồng cho anh H.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q: Trả lại 01 xe mô tô biển số: 77G1 – 200.04 nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô cho ông Trịnh Vinh H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar: Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, bàn phím màu đen, số IMEI:

3528821054119878 cho ông Trần Văn K; trả lại 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: trắng – đen – bạc, 01 giấy đăng ký xe 47B1 – 886.11 cho ông Trần Văn K; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn: cam – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô 47B1 – 860.57 cho ông Nguyễn Minh P là các chủ sở hữu hợp pháp;

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra huyện T, tỉnh Bình Định trả lại 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển số 77L1 – 606.02, màu sơn: Đen – Vàng cho anh Hồ Bá D là chủ sở hữu hợp pháp.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 21.756.000 đồng của Trần Văn L, Trần Văn K do phạm tội mà có.

- Trả lại 01 chiếc mũ bảo hiểm màu cam, không nhãn hiệu cho bị cáo Trần Văn K

- Trả lại 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng, hiệu NON SON, trên mũ có hình Doremon màu xanh – đỏ cho bị cáo Trần Văn L.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận bào chữa gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cán bộ điều tra Công an huyện Cư M'gar, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng

thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2020, Trần Văn L, Trần Văn K đã thực hiện các vụ Cướp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Trộm cắp tài sản, còn Nguyễn Văn T đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể như sau:

Ngày 13/9/2020 tại buôn Tria, xã U, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Trần Văn L đã dùng dao Thái Lan khống chế ông Nguyễn Minh P để cướp 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, 01 điện thoại di động OPPO F1S A1601 cùng số tiền 4.885.000 đồng, bị cáo Trần Văn K cướp của ông Trần Văn K 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, 01 điện thoại di động Nokia, số tiền 6.000 đồng, tổng trị giá thiệt hại là 28.241.000 đồng (*Hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

Ngày 05/9/2020 tại khu vực 7, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định và 25/9/2020 tại thôn Quang Hy, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, Trần Văn L và Trần Văn K đã cùng nhau thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt 02 xe mô tô, gồm xe mô tô biển số 77G1 – 200.04 của ông Trịnh Vinh H và xe mô tô biển số 77L1 – 606.02 của anh Hồ Bá D, tổng trị giá là 35.500.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ngày 31/8/2020 tại ấp Xoài Đồi, xã L, huyện C, tỉnh L, Trần Văn L, Trần Văn K đã trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 62M1 – 687.67 của chị Nguyễn Thái Huyền M và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus 16G, bên trong có 01 thẻ sim của anh H, tổng trị giá là 17.595.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Đối với Nguyễn Văn T mặc dù biết chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển số 77L1 – 606.02, màu sơn: Đen – Vàng là tài sản do L và K phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng, sau khi mua xe thì bị cáo T đã thay biển số 47P2-6017 vào xe và cất giấu xe trong nhà để đăng lên mạng bán lại kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Trị giá chiếc xe theo định giá là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Hành vi của các bị cáo **Trần Văn L, Trần Văn K đã phạm** tội Cướp tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn T phạm** tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

d) Sử dụng phương tiện nguy hiểm khác;”

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng

thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, các bị cáo biết rằng tài sản, tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, với bản chất tham lam, lười lao động nhưng thích hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác nên các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K đã thực hiện các vụ Cướp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo L và bị cáo K không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, mà còn đe dọa đến tính mạng sức khỏe của người khác, gây tâm lý hoang mang lo sợ đến quần chúng nhân dân, mất trật tự trị an tại địa phương.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ tài sản tiêu thụ là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, vai trò, mức độ là khác nhau, do đó cần phân tích, đánh giá để áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Trong vụ án cướp tài sản, L là người khởi xướng, sau khi L nảy sinh ý định cướp tài sản thì đã bàn bạc với K cùng cướp tài sản của bị hại, sau đó hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, mức hình phạt đối với bị cáo L cao hơn bị cáo K trong vụ án cướp tài sản là phù hợp.

Trong vụ án trộm cắp tài sản bị cáo L là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo K là người giúp sức tích cực, vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo L cao hơn bị cáo K là phù hợp.

Đối với hai vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản K là người trực tiếp nói dối với bị hại cho mượn xe. Sau khi mượn được xe, K điều khiển xe đến chỗ L đi đến địa phương khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Như vậy, K là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, L là người giúp sức tích cực. Do đó hình phạt của bị cáo K cao hơn bị cáo L đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T không hứa hẹn trước và biết rõ chiếc xe máy biển số 77L1 – 606.02, loại SIRIUS, màu sơn: Đen – Vàng là do L và K phạm tội mà có nhưng T vẫn tiêu thụ mua lại với giá 4.000.000 đồng. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, với mức độ hành vi phạm tội thì hình phạt của bị cáo T thấp hơn bị cáo L và bị cáo K là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K thực hiện 2 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự về vụ án. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K, Nguyễn Văn T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi bị bắt về hành vi cướp tài sản, tại cơ quan điều tra bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K đã đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản ngày 30/8/2020, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 04/9/2020, ngày 24/9/2020 nên bị cáo được H tình tiết người phạm tội đầu thú theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo L và bị cáo K được H tình tiết “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian tham gia lực lượng Công an Nhân dân công tác tại Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động Bộ Công an, thời gian từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 12 năm 2017, vì vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xử lý vi phạm về một hành vi nào khác, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được H án treo, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[7] Trong vụ án này, đối với Nguyễn Thanh Th, quá trình điều tra xác định khi mua 02 chiếc xe mô tô biển số 47B1 – 860.57 và 47B1 – 886.11, trong đó chiếc xe mô tô biển số 47B1 – 860.57 bị hư hỏng dàn nhựa bên ngoài do quá trình

tàu thoát Trần Văn L điều khiển xe bị ngã, khi mua xe anh Th không biết 02 chiếc xe này do L, K phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CũM'gar không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chị Phạm Uyên N, anh Nguyễn Vũ B, quá trình điều tra xác định: Chị Nhi là người mua chiếc điện thoại OPPO F1S A1601, màu trắng của L và K tại cửa hàng do Bảo làm chủ, khi mua chị Nhi, anh B không biết chiếc điện thoại di động này do L và K phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CũM'gar không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Đoàn Đức M, quá trình điều tra xác định: anh M là người mua chiếc điện thoại Nokia 106, khi mua anh M không biết chiếc điện thoại di động này do L và K phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CũM'gar không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Lê Văn T2, Trần Nguyên T3, quá trình điều tra xác định: Khi mua chiếc xe mô tô biển số 77G1 – 200.04 thì những người này không biết chiếc xe 77G1 – 200.04 là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Trương Hữu H, quá trình điều tra xác định H liên quan đến việc mua bán chiếc xe mô tô biển số 77G1 – 200.04, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với H. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CũM'gar tiếp tục xác minh làm rõ xem xét xử lý sau là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã thu giữ và trả lại 01 xe mô tô biển số: 77G1 – 200.04 nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô cho ông Trịnh Vinh H là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trao trả trên là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cũ M'gar đã thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, bàn phím màu đen, số IMEI: 3528821054119878 cho ông Trần Văn K; trả lại 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: trắng – đen – bạc, 01 giấy đăng ký xe 47B1 – 886.11 cho ông Trần Văn K; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn: cam – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô 47B1 – 860.57 cho ông Nguyễn Minh P là các chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trao trả trên là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra huyện T, tỉnh Bình Định đã thu giữ và trả lại 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển số 77L1 – 606.02, màu sơn: Đen – Vàng cho anh Hồ Bá D là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trao trả trên là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu cam của bị cáo Trần Văn K, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo K là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng, hiệu NON SON, trên mũ có hình Doremon màu xanh – đỏ của bị cáo Trần Văn L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L là phù hợp.

- Đối với số tiền Trần Văn L, Trần Văn K do phạm tội mà có bao gồm: 6.000 đồng cướp của ông K; 8.700.000 đồng bán 02 chiếc xe mô tô biển số 47B1 - 860.57, xe mô tô biển số 47B1- 886.11 cướp của ông P và ông K cho anh Nguyễn Thanh Th; 150.000 đồng bán chiếc điện thoại Nokia 106 cướp của ông K cho anh Đoàn Đức M; 8.900.000 đồng bán chiếc xe mô tô biển số 77G1 – 200.04 lừa đảo của ông Trịnh Vinh H cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), quá trình điều tra xác định: Trương Hữu H bán xe cho Lê Văn T2, Tiền bán cho Trần Nguyên T3; số tiền 4.000.000 đồng bán chiếc xe mô tô biển số 77L1 – 606.02 lừa đảo của ông Hồ Bá D cho bị cáo Nguyễn Văn T, tổng cộng 21.756.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên bị cáo L và K cùng nhau tiêu xài cá nhân hết, anh Th, anh M, anh T3, bị cáo T không yêu cầu bị cáo L, K trả lại số tiền mua tài sản do phạm tội mà có. Xét thấy đây là khoản thu lợi bất chính nên cần truy thu của bị cáo L và K số tiền 21.756.000 đồng sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 biển số 47P2 – 6017 quá trình điều tra xác định: biển số xe này là của xe mô tô nhãn hiệu DAEMACO, số loại XII, màu sơn Đen – Đỏ, của anh Ngân Văn H sinh năm: 1990, trú tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, anh H đã đi khỏi địa phương, không liên lạc và làm việc được, quá trình sinh sống tại địa phương anh Hải không có báo mất, hay tranh chấp về biển số xe này. Vì vậy, cần chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar tách để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phân trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Trần Văn K, những người có quyền lợi liên quan Đoàn Đức M, Nguyễn Thanh Th không yêu cầu Trần Văn L, Trần Văn K bồi thường thiệt hại nên không đề cập xử lý.

Người bị hại ông Nguyễn Minh P yêu cầu bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải bồi thường số tiền, trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của ông P, bao gồm: số tiền 4.885.000 đồng và giá trị 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S A1601 trị giá 1.200.000 đồng, tổng cộng 6.085.000 đồng. Xét yêu cầu của ông P là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Nguyễn Thái Huyền M yêu cầu bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K bồi thường trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của chị M là 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 62H1-687.68 với số tiền 14.365.000 đồng; anh H yêu cầu Trần Văn L, Trần Văn K bồi thường trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của anh H là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16G trị giá 3.200.000 đồng, 01 sim điện thoại số thuê bao 0931.546.071 trị giá phục hồi là số tiền 30.000 đồng, tổng cộng 3.230.000 đồng. Xét yêu cầu của chị M, anh H là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K, Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo **Trần Văn L, Trần Văn K** phạm tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 08 năm tù về tội Cướp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cả ba tội buộc bị cáo **Trần Văn L** phải chấp hành hình phạt chung là **11 năm 06 tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt tạm giam ngày 07/10/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cả ba tội buộc bị cáo **Trần Văn K** phải chấp hành hình phạt chung là **11 năm 03 tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt tạm giam ngày 07/10/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được H án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được H án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được H án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho H án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các 288, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải liên đới bồi thường số tiền 6.085.000 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Minh P. Chia theo phần: Bị cáo Trần Văn L phải bồi thường số tiền 3.043.000 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Bị cáo Trần Văn K phải bồi thường số tiền 3.042.000 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải liên đới bồi thường số tiền 14.365.000 đồng cho chị Nguyễn Thái Huyền M. Chia theo phần: Bị cáo Trần Văn L phải bồi thường số tiền 7.183.000 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Trần Văn K phải bồi thường số tiền 7.182.000 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K phải liên đới bồi thường số tiền 3.230.000 đồng cho anh H. Chia theo phần: Bị cáo Trần Văn L phải bồi thường số tiền 1.615.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Bị cáo Trần Văn K phải bồi thường số tiền 1.615.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q: Trả lại 01 xe mô tô biển số: 77G1 – 200.04 nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô cho ông Trịnh Vinh H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar: Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, bàn phím màu đen, số IMEI: 3528821054119878 cho ông Trần Văn K; trả lại 01 xe mô tô biển số 47B1 – 886.11, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: trắng – đen – bạc, 01 giấy đăng ký xe 47B1 – 886.11 cho ông Trần Văn K; 01 xe mô tô biển số 47B1 – 860.57, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn: cam – đen, 01 giấy đăng ký xe mô tô 47B1 – 860.57 cho ông Nguyễn Minh P là các chủ sở hữu hợp pháp;

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra huyện T, tỉnh Bình Định trả lại 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển số 77L1 – 606.02, màu sơn: Đen – Vàng cho anh Hồ Bá D là chủ sở hữu hợp pháp.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 21.756.000 đồng của Trần Văn L, Trần Văn K do phạm tội mà có. Chia theo phần mỗi bị cáo phải nộp 10.878.000 đồng (Mười triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Trả lại 01 chiếc mũ bảo hiểm màu cam, không nhãn hiệu cho bị cáo Trần Văn K.

- Trả lại 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng, hiệu NON SON, trên mũ có hình Doremon màu xanh – đồ cho bị cáo Trần Văn L.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra – Công an huyện Cư M'gar chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar ngày 15/4/2021).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K, Nguyễn Văn T phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn L phải chịu 592.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn K phải chịu 592.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- UBND P. Ea Tam, Tp. B;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trọng Phụng

